

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG - NÔNG NGHIỆP**

**QUY ĐỊNH**  
**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC**  
**NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**  
**NGÀNH, NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**  
**MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5810404**

**Ngày ban hành: 16/4/2025**

**Ngày cập nhật bổ sung:**

## QUY ĐỊNH

# KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1010 /QĐ-CĐCNN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của  
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp)

### TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

### NGÀNH, NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

### MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5810404

#### 1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp là nghề trực tiếp cải thiện, chăm sóc vẻ đẹp của con người, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc của nghề được thực hiện tại các bộ phận trong các spa, salon hoặc các cơ sở làm đẹp lưu trú nên môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo an toàn - vệ sinh và sức khỏe. Cường độ làm việc không cao nhưng chịu áp lực lớn về thời gian phục vụ và yêu cầu đảm bảo sự hài lòng đa dạng của khách làm đẹp.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, có ngoại hình phù hợp, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.815 (tương đương 65 tín chỉ).

#### 2. Kiến thức

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

- Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

- Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **3. Về kỹ năng**

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;
- Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;
- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

### **4. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;

- Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;

- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

### 3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản chung</b>		
1	NLCB-01	Giáo dục chính trị	30 giờ 2 TC
2	NLCB-02	Pháp luật	15 giờ 1 TC
3	NLCB-03	Giáo dục thể chất	30 giờ 1 TC
4	NLCB-04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	45 giờ 2 TC
5	NLCB-05	Tin học	45 giờ 2 TC
6	NLCB-06	Tiếng Anh	90 giờ 3 TC
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (chuyên môn)</b>		
7	NLCL-01	Giải phẫu sinh lý	45 giờ 3 TC
8	NLCL-02	Dịch tễ học	45 giờ 3 TC
9	NLCL-03	Sức khỏe và thẩm mỹ	45 giờ 3 TC
10	NLCL-04	Thực tập tham quan trải nghiệm thực tế	90 giờ 2 TC
11	NLCL-05	Chăm sóc da cơ bản	105 giờ 4 TC
12	NLCL-06	Chăm sóc tóc	60 giờ 2 TC
13	NLCL-07	Móng cơ bản	105 giờ 4 TC
14	NLCL-08	Trang điểm cơ bản	105 giờ 4 TC
15	NLCL-09	Thiết kế, tạo hình móng	120 giờ 4 TC
16	NLCL-10	Tổ chức và quản lý Spa	30 giờ 2 TC
<b>III</b>	<b>Năng lực nâng cao</b>		
17	NLNC-01	Chăm sóc da nâng cao	120 giờ 4 TC
18	NLNC-02	Trang điểm nâng cao	120 giờ 4 TC

### 4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ)

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG  
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP  
NGÀNH/NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**

**1. Tên năng lực: Giáo dục chính trị**

**Mã: NLCB-01**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC**

**1.1. Yêu cầu kiến thức:**

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

**1.2. Yêu cầu kỹ năng:**

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

**1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**2. Tên năng lực: Pháp luật**

**Mã: NLCB-02**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 15 giờ, 1 TC**

**2.1. Yêu cầu kiến thức:**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**2.2. Yêu cầu kỹ năng:**

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham

những; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

### *2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

## **3. Tên năng lực: Giáo dục thể chất**

**Mã: NLCB-03**

### **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 1 TC**

#### *3.1. Yêu cầu về kiến thức:*

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

#### *3.2. Yêu cầu kỹ năng:*

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

#### *3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

## **4. Tên năng lực: Giáo dục quốc phòng và An ninh**

**Mã: NLCB-04**

### **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC**

#### *4.1. Yêu cầu kiến thức:*

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

#### *4.2. Yêu cầu kỹ năng:*

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

#### *4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### **5. Tên năng lực: Tin học**

**Mã: NLCB-05**

### **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC**

#### *5.1. Về kiến thức*

Trình bày được được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

#### *5.2. Về kỹ năng*

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

#### *3. 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

## **6. Tên năng lực: Tiếng Anh**

**Mã: NLCB-06**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 TC**

### *6.1. Yêu cầu kiến thức*

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

### *6.2. Yêu cầu kỹ năng*

Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

### *6.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

## **7. Tên năng lực: Giải phẫu sinh lý**

**Mã: NLCL-01**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC**

### *7.1. Về kiến thức:*

- + Trình bày đúng các kiến thức chung về cấu trúc cơ thể người;
- + Trình bày đúng nguyên tắc hoạt động sinh lý của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể và cơ chế điều tiết hoạt động của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể;
- + Trình bày đúng các ảnh hưởng của các bộ phận đến việc chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp của con người.

### *7.2. Về kỹ năng:*

- + Vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý cơ thể con người để áp dụng vào chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp cho con người.
- + Xác định đúng cấu trúc để phòng tránh các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- + Xác định đúng các chức năng sinh lý để có các động tác phù hợp với từng cơ quan bộ phận;

### *7.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Rèn luyện được tính tỉ mỉ, chính xác, cẩn trọng trong quá trình thực hiện;

## **8. Tên năng lực: Dịch tễ học**

**Mã: NLCL-02**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC**

### *8.1. Về kiến thức:*

- + Liệt kê đúng về mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật.
- + Liệt kê đúng các biện pháp phòng ngừa và quản lý các bệnh truyền nhiễm.
- + Mô tả chính xác các biểu hiện bệnh lây nhiễm và tầm quan trọng của cơ quan hô hấp.
- + Mô tả chính xác các biểu hiện bệnh lây nhiễm và tầm quan trọng của cơ quan tiêu hóa.
- + Mô tả chính xác các biểu hiện bệnh lây qua đường tình dục và bệnh lây nhiễm về da qua đường tiếp xúc.

+ Mô tả chính xác các biểu hiện các loại bệnh ngoài da và bệnh ký sinh trùng lây qua da.

+ Mô tả chính xác các biểu hiện bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt .

#### 8.2. Về kỹ năng:

+ Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa và quản lý các bệnh truyền nhiễm.

+ Áp dụng được các bệnh lây nhiễm và tầm quan trọng của cơ quan hô hấp..

+ Áp dụng được bệnh lây qua đường tình dục và bệnh lây nhiễm về da qua đường tiếp xúc.

+ Có các biện pháp phòng tránh các loại bệnh ngoài da và bệnh ký sinh trùng lây qua da

#### 8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính tỉ mỉ, chính xác, kịp thời trong quá trình học và ứng dụng trong công việc.

### **9. Tên năng lực: Sức khỏe và thẩm mỹ Mã: NLCL-03**

#### **Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC**

##### 9.1. Về kiến thức:

+ Trình bày đúng và đầy đủ mối liên quan giữa sức khỏe và thẩm mỹ;

+ Trình bày được các nhóm thực phẩm liên quan đến sức khỏe và làm đẹp

+ Trình bày đúng về nhu cầu năng lượng, khẩu phần ăn hợp lý cho sức khỏe và làm đẹp;

+ Trình bày đúng các vấn đề có thể xảy ra do các thói quen xấu trong sinh hoạt hằng ngày;

+ Trình bày chính xác về chu kỳ cuộc đời và sức khỏe thẩm mỹ;

##### 9.2. Về kỹ năng:

+ Phát hiện, chăm sóc, điều trị, kiểm soát béo phì

+ Phòng tránh các thói quen sinh hoạt xấu trong cuộc sống gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sắc đẹp;

+ Ứng dụng mối liên hệ giữa sức khỏe và thẩm mỹ để học tập các mô đun chuyên ngành

*9.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Rèn luyện được tính tỉ mỉ, chính xác, cẩn thận

**10. Tên năng lực: : Thực tập tham quan, trải nghiệm thực tế Mã: NLCL-04**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 2 TC**

*10.1. Về kiến thức:*

+ Hiểu rõ cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động và các dịch vụ trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp.

+ Nhận biết được quy trình làm việc chuyên nghiệp của nhân viên thẩm mỹ, spa, salon tóc, nail, make-up, v.v.

+ Biết được xu hướng, công nghệ và thiết bị hiện đại trong ngành làm đẹp hiện nay

*10.2. Về kỹ năng:*

+ Rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp, ứng xử trong môi trường làm việc thực tế.

+ Biết cách áp dụng kiến thức đã học vào tình huống thực tế tại cơ sở.

+ Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tác phong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và sáng tạo trong công việc.

*10.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Hình thành ý thức nghề nghiệp, tinh thần học hỏi và yêu nghề.

+ Có thái độ đúng mực, tôn trọng quy định, nội quy tại nơi tham quan – trải nghiệm.

+ Biết trân trọng giá trị lao động, hướng tới phong cách làm việc chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

**11. Tên năng lực: Chăm sóc da cơ bản Mã: NLCL-06**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 80 giờ, 3 TC**

*11.1. Về kiến thức:*

+ Trình bày đúng sơ lược về chăm sóc da cơ bản;

+ Mô tả đúng đại cương cấu tạo làn da;

+ Trình bày đúng quy trình tư vấn chăm sóc da cho khách hàng;

+ Trình bày đúng quy trình làm sạch da, làm sạch sâu;

- + Trình bày đúng quy trình massage mặt;
- + Trình bày đúng kỹ thuật đắp mặt nạ dèo, mặt nạ thật cao.
- + Trình bày đúng các thao tác của wax lông.

#### *11.2. Về kỹ năng:*

- + Thực hiện làm sạch da và làm sạch sâu đúng quy trình;
- + Thực hiện đủ và thành thạo các bước quy trình massage mặt;
- + Thực hiện đắp mặt nạ phù hợp với từng loại da.
- + Thực hiện được các động tác massage phối hợp.
- + Thực hiện thành thạo các thao tác wax lông

#### *11.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện tính chăm chỉ để thực hiện các công việc một cách nhuần nhuyễn;

- + Cận trọng, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện;
- + Đảm bảo an toàn khi tiếp xúc với khách hàng.

### **12. Tên năng lực: Chăm sóc tóc Mã: NLCL-06**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 80 giờ, 3 TC**

#### *11.1. Về kiến thức:*

- + Trình bày được các kiến thức về các phương pháp chăm sóc da đầu, chăm sóc tóc; nhận biết phương pháp phân tích tình trạng tóc
- + Nhận biết phương pháp gội đầu kết hợp massage mặt, cổ vai gáy.

#### *11.2. Về kỹ năng:*

- + Thực hiện được kỹ năng gội đầu và sấy tóc
- + Xử lý và chăm sóc tóc khi bị hư tổn
- + Hoàn chỉnh quy trình chăm sóc tóc đạt yêu cầu kỹ thuật
- + Thực hiện chăm sóc da đầu đúng cách.

#### *11.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Hình thành thái độ yêu nghề và nỗ lực học tập, đam mê sáng tạo trong nghề nghiệp

### **13. Tên năng lực: Móng cơ bản Mã: NLCL-07**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 105 giờ, 3 TC**

#### *13.1. Kiến thức:*

- + Mô tả các dạng móng và các bệnh về móng.

+ Vận dụng thực hiện quy trình chăm sóc móng cơ bản.

*13.2. Kỹ năng:*

+ Thực hiện xác định dáng móng

+ Chọn màu sắc phù hợp cho khách hàng

+ Thực hiện chính xác quy trình chăm sóc móng cơ bản

*13.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Nâng cao khả năng tư duy độc lập làm việc nhóm.

+ Hình thành thái độ yêu nghề và nỗ lực học tập.

**14. Tên năng lực: Trang điểm cơ bản Mã: NLCL-08**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 5 TC**

*14.1. Kiến thức:*

Liệt kê được các trang thiết bị, dụng cụ chế biến trong bộ phận bếp.

Liệt kê được các nguyên liệu và gia vị sử dụng trong chế biến món ăn và xác định được các phương pháp lựa chọn và bảo quản nguyên liệu lương thực, thực phẩm.

Xác định được các quy trình sơ chế nguyên liệu.

Trình bày được các phương pháp làm chín thực phẩm

Trình bày được các kỹ thuật tía hoa, trang trí, trình bày món ăn.

Xác định được các loại nước dùng, sốt, súp và các yêu cầu, nguyên tắc chế biến

*14.2. Kỹ năng:*

Phân loại và sử dụng được các loại trang thiết bị, dụng cụ trong bếp.

Lựa chọn và bảo quản được các nguyên liệu lương thực, thực phẩm an toàn.

Sơ chế được nguyên liệu động vật, thực vật đúng quy trình

Áp dụng được các phương pháp làm chín thực phẩm trong quá trình chế biến.

Phối hợp đúng nguyên tắc phối hợp nguyên liệu và gia vị trong quá trình chế biến món ăn.

Thực hiện được kỹ thuật tía hoa, trang trí và trình bày được một số món ăn cơ bản.

Chế biến được các loại nước dùng, sốt, súp và salad cơ bản

*14.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Chủ động, sáng tạo, tác phong chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc.

Tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Cẩn thận, tỉ mỉ trong chế biến, trình bày và trang trí món ăn.

**15. Tên năng lực: Thiết kế, tạo hình móng Mã: NLCL-09**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 3TC**

*15.1. Kiến thức:*

- + Trình bày đúng các kỹ thuật và phương pháp sử dụng cọ bản và cọ râu.
- + Trình bày đúng các kỹ thuật và phương pháp đắp móng giả
- + Mô tả chính xác các kỹ thuật và phương pháp đính đá trang trí móng

*15.2. Kỹ năng:*

- + Thực hiện thiết kế bộ sưu tập móng với các cọ bản và cọ râu.
- + Thực hiện thiết kế bộ sưu tập móng đính đá, trang trí móng
- + Thực hiện đắp móng giả thành thạo

*15.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Nâng cao khả năng tư duy độc lập làm việc nhóm.
- + Hình thành thái độ yêu nghề và nỗ lực học tập.

**16. Tên năng lực: Tổ chức và quản lý Spa Mã: NLCL-10**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC**

*16.1. Kiến thức:*

- + Trình bày đúng khái niệm về Spa, các loại hình Spa hiện nay.
- + Trình bày đúng vị trí, vai của người quản lý Spa.

*16.2. Kỹ năng:*

Tổ chức công việc phù hợp cho lễ tân, tư vấn viên, chuyên viên thực hiện chăm sóc sắc đẹp và chuyên viên chăm sóc khách hàng.

*16.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Nâng cao ý thức tập thể và tinh thần tự giác học tập.

**17. Tên năng lực: Chăm sóc da nâng cao Mã: NLNC-01**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 4 TC**

*17.1. Về kiến thức:*

Xác định đúng quy trình chăm sóc da theo tình trạng của từng loại da

*17.2. Về kỹ năng:*

- + Sử dụng đúng kỹ thuật và thành thạo các thiết bị, dụng cụ khi chăm sóc da mặt chuyên sâu
- + Thực hiện thành thạo các thao tác trong quy trình chăm sóc da mặt chuyên sâu

*17.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Thái độ cẩn trọng và tính trách nhiệm trong công việc.

**18. Tên năng lực: Trang điểm nâng cao Mã: NLNC-02**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 4 TC**

*18.1. Kiến thức:*

- + Mô tả kỹ thuật trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu
- + Trình bày đúng các kỹ thuật phối màu trang điểm

*18.2. Kỹ năng:*

- + Sử dụng thành thạo các loại mỹ phẩm, dụng cụ trong trang điểm nâng cao
- + Thực hành tự trang điểm cho cá nhân và trang điểm cho khách hàng theo từng mục đích
- + Hình thành phong cách chuyên nghiệp, tự tin thao tác an toàn cho khách, thái độ cởi mở, nhiệt tình với khách hàng

*18.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Nâng cao ý thức hợp tác khi làm việc nhóm

**19. Tên năng lực: Thực tập tốt nghiệp**

**Mã: NLNC-08**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 360 giờ, 8 TC**

*19.1. Về kiến thức:*

Nhận thức quá trình chế biến món ăn trong thực tiễn.

Nâng cao nhận thức nghề nghiệp,

*19.2. Về kỹ năng:*

Vận dụng kiến thức lí thuyết và tay nghề cơ bản đã học vào thực tế, nâng cao trình độ tay nghề chuyên môn, có kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp khi ra trường.

*19.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng tổ chức thực hiện các công việc của nhân viên bếp

Đảm bảo an toàn lao động.